

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2025/DS-PT

Ngày 30 - 6 - 2025

“V/v tranh chấp chia tài sản
chung và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, “*Tranh chấp chia tài sản chung và đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 700/2024/QĐ-PT, ngày 06 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 728/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vương Thị H, sinh năm 1945;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Anh Võ Huy V, sinh năm 1980. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Bà Lê Thị V1, sinh năm 1934 (chết ngày 10/10/2021);

Địa chỉ: Số C, B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú cũ: Số F, Cù Lao N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị V1 gồm:

2.1. Bà Vương Ngọc D, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Số C, B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Vương Hồng N, sinh năm 1962 (đã chết);

2.3. Bà Vương Thị Ngọc T, sinh năm 1967;

2.4. Ông Vương Hồng H1, sinh năm 1971;

2.5. Ông Vương Hồng P, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ cư trú: Số C, B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Ông Vương Hồng T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Số C, B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7. Bà Vương Thị Ngọc T2, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú cũ: Số G, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.8. Bà Vương Thị Ngọc T3, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú cũ: Số F, Cù Lao N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Nguyễn Văn H2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 04/7/2022.

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Vũ Ngọc T4, sinh năm 1974;

3.3. Bà Ngô Thị Tuyết X, sinh năm 1978 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị Tuyết X gồm: Ông Vũ Ngọc T4 (chồng), Vũ Ngô Ngọc T5 (con ông T4), Vũ Ngọc Tiến T6, sinh năm 2005 (con ông T4).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Võ Huy V, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Vũ Thị Hồng T7, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Vũ Thị Minh T8, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Vũ Ngọc T9, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà C, đường L, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú đúng: Số nhà C, đường L, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Người kháng cáo:** Bà Vương Thị H là nguyên đơn.

Có mặt anh Võ Huy V: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1 là bà D, bà N, bà T8, ông H2, ông P, ông T1, bà T2, bà T3; Ủy ban nhân dân thành phố H, ông T4, anh T5, Vũ Ngọc Tiến T6, bà Vũ Thị Hồng T10, bà Vũ Thị Minh T8, ông Vũ Ngọc T9 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Vương Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Võ Huy V, người đại diện hợp pháp anh Trần Đình H3 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp này là của cụ ông Vương Văn H4 (chết 1979) và cụ bà tên Ca Thị H5 (chết 1985) để lại với diện tích có chiều ngang 24m, chiều dài là 56,8m (theo thẩm định đo đạc thực tế) tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H), bà H sống chung với cụ H4 và cụ H5 từ nhỏ đến lớn. Sau khi cụ H4 và cụ H5 chết thì bà H tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định lâu dài phần đất này từ năm 1985 cho đến nay và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000. Trong suốt quá trình bà H sử dụng không có ai tranh chấp hay ngăn cản việc quản lý, sử dụng của bà H và khi đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất cũng không có ai tranh chấp. Hiện nay, phần đất đang tranh chấp không thể chấp Ngân hàng nào, bà H không thống nhất trả lại diện tích đất có chiều ngang 12m, chiều dài 56,8m theo yêu cầu của bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1). Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1), buộc bà H giao đất thì bà H có yêu cầu bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) phải bồi thường giá trị hàng rào và cây trồng trên đất theo Hội đồng định giá là 63.811.000 đồng (Sáu mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn đồng).

Đối với phần diện tích đất 103m^2 mà bà H đã cho ông Vũ Ngọc T4 đang cất nhà ở trên phần đất tranh chấp, bà H không có tranh chấp với ông Vũ Ngọc T4, đồng ý cho ông Vũ Ngọc T4 tiếp tục sử dụng phần đất ông đang quản lý, sử dụng nhưng không được mở rộng thêm. Nếu sau này, bà H có nhu cầu sử dụng thì ông Vũ Ngọc T4 phải trả lại. Nhưng nay, ông Vũ Ngọc T4 có yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất theo thẩm định đo đạc thực tế là 103m^2 , thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H) do bà Vương Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Vũ Ngọc T4 sẽ trả giá trị đất cho bà H theo Hội đồng định giá là 164.800.000 đồng, bà H thống nhất làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Vũ Ngọc T4.

Đối với việc bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) yêu cầu bà H trả 10 (mười) chỉ vàng 24kara nợ mua đất lúa thì bà H không đồng ý, vì từ trước đến nay bà H không có nhận chuyển nhượng đất từ ông Vương Văn P1.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H không thống nhất theo yêu cầu của bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1); cụ Vương Thị H yêu cầu bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) và người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất là ông Vũ Ngọc T4 phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích $661,3\text{m}^2$, thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu ông Vũ Ngọc T4 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên đất đang tranh chấp. Nếu Tòa án chia tài sản chung thì bà H xin được hưởng $\frac{2}{3}$ diện tích $661,3\text{m}^2$, nhận đất nếu trúng vào nhà của ông Vũ Ngọc T4 thì bà H xin nhận giá trị đất theo quy định.

Bị đơn bà Lê Thị V1 có lời trình bày trước đây:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Vương Văn H4 (tự L) và cụ Trần Thị C (ông, bà nội) thừa hưởng của ông, bà để lại diện tích đất là ngang 24m, chiều dài 100m từ lộ làng thẳng đến Quốc lộ C thuộc ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Cụ H4 và cụ C được một người con tên ông Vương Văn P1 thì cụ C chết. Sau đó, cụ H4 tiếp tục chung sống với cụ Ca Thị H5 sinh được hai người con bà Vương Thị N1 và bà Vương Thị H. Cụ Vương Văn H4, chết năm 1979 và cụ Ca Thị H5, chết năm 1985, không để lại di chúc. Ông P1, bà N1 và bà H thống nhất chia phần đất thổ cư của cụ Vương Văn H4 để

lại, có gia tộc chứng kiến gồm các cụ Vương Văn K, cụ Vương Ngọc L1, cụ Vương Kim H6 ký tên vào tờ thỏa thuận đề ngày 16/10/1995 như sau:

Bà N1 được hưởng chiều ngang 24m, chiều dài khoảng 35,1m từ lộ làng trở vào, ông P1 và bà H được hưởng phần đất giáp quốc lộ 30 có chiều ngang 24m, chiều dài 64,9m theo thẩm định đo đạc thực tế là ngang 24m, dài 56,8m, phần đất của ông Vương Văn P1 được chia tạm giao lại cho bà H quản lý khi nào cần thì bà H phải giao lại. Trong thời gian quản lý bà H đã đi đăng ký và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất của ông P1.

Năm 2000, ông P1 có bán cho bà H diện tích 3.000m² đất lúa, tọa lạc tại ấp A xã A, thị xã H không có làm giấy tờ sang nhượng, chỉ thỏa thuận miệng với giá là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24 Kara 9T8, bà H có trả cho ông P1 được 10 (mười) chỉ, còn nợ lại 10 (mười) chỉ. Việc này có bà Vương Thị P2, ông Vương Ngọc H7, ông Vương Kim H6 biết rõ, ông P1 đã chết năm 2004.

Bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) yêu cầu bà H trả lại quyền sử dụng đất thổ cư của ông P1 được hưởng có chiều ngang 12m, chiều dài 56,8m, thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22 theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích 661,3m², đất tọa lạc tại ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H) do bà H đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất. Trong diện tích đất này, có phần nhà của ông Vũ Ngọc T4, thống nhất để ông Vũ Ngọc T4 sử dụng, không có tranh chấp. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H và yêu cầu bà H phải trả 10 (mười) chỉ vàng 24kara 9T8 mà bà H còn nợ khi sang nhượng phần đất lúa của ông P1.

Nhưng sau đó, bà D, ông T1, bà Ngọc T, bà T2, ông H2, ông P, bà T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) yêu cầu bà H chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thổ cư có chiều ngang 12m, dài 56,8m, tổng diện tích theo thẩm định đo đạc thực tế là 661,3m², thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H) theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2017, trong phần đất tranh chấp có nhà của vợ chồng ông Vũ Ngọc T4 và bà Ngô Thị Tuyết X đang sử dụng diện tích đất là 103m², thống nhất giao cho ông Vũ Ngọc T4 được quyền sử dụng và thống nhất cho ông Vũ Ngọc T4 đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất, không yêu cầu ông Vũ Ngọc T4 trả lại giá trị đất theo Hội đồng định giá và thống nhất trả giá trị cây trồng và hàng rào trên đất cho bà H theo Hội đồng định giá là 63.811.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Ngọc T4 có lời khai trước đây trình bày:

Năm 2002, vợ chồng ông T4 được bà Vương Thị H cho cất nhà trên thửa đất mà hiện nay các bên đang tranh chấp có chiều ngang 4,1m x dài 25m (thẩm định đo đạc thực tế 103m²). Nguồn gốc đất là của cụ Vương Văn H4 là ông ngoại của ông T4. Cụ H4 có ba người con gồm: Ông Vương Văn P1, bà Vương Thị N1, bà Vương Thị H, đất này bà H đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, khi ông T4 cất nhà thì bà H đồng ý cho ông T4 xây cất và sử dụng cho đến nay. Nay hộ ông T4 yêu cầu được giữ nguyên phần đất đang sử dụng và yêu cầu bà H sang tên cho ông T4, thống nhất trả giá trị đất cho bà H theo Hội đồng định giá là $1.600.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 103\text{m}^2 = 164.800.000\text{đồng}$. Về phần đất giữa các bên đang tranh chấp, ông T4 không có yêu cầu và không có tranh chấp, vì mẹ ông là bà N1 đã được hưởng một phần với diện tích đất là 632.0m² (ngang 24m, dài 35,1m) tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 22 giáp lộ làng, hiện nay ông T4 đã đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay, ông Vũ Ngọc T4 yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất diện tích 103m², thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, do bà Vương Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đã xây nhà ở ổn định, thống nhất trả giá trị đất theo Hội đồng định giá cho người nào được Tòa án giao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Hồng T7 trình bày:

Bà T7 là con của bà Vương Thị N1 (chết 1985), Bà N2 đã có hưởng phần đất ở ngoài lộ làng do cụ H4 và cụ H5 để lại rồi, hiện nay em của bà là ông Vũ Ngọc T4 đang sử dụng làm bãi tập kết cát đá để mua bán vật liệu xây dựng, phần đất tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, các bên đang tranh chấp là phần thừa hưởng của ông, bà, nên bà T7 không có tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với phần diện tích đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Ngọc T9 trình bày:

Ông T9 là con của bà Vương Thị N1 (chết 1985), trước đây bà N1 có nhận phần đất phía ngoài giáp lộ làng do ông bà N3 để lại xong rồi, còn phần diện tích đất hiện nay bà H quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần hưởng của ông Vương Văn P1 với bà H giữa ông P1 với bà H có làm tờ thuận phân, ông T9 là đại diện cho bà N1 cùng tham gia chứng kiến làm tờ thuận phân, nhưng lâu quá ông không nhớ rõ vào năm nào. Do đó, việc tranh chấp giữa các bên ông T9 không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Minh T8 trình bày:

Thông nhất theo trình bày của ông Vũ Ngọc T9, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự trình bày:

Về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vương Thị H là đúng đối tượng, điều kiện trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà Vương Thị H đang quản lý sử dụng đất, không có tranh chấp nào xảy ra trong quá trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vương Thị H. Nay Ủy ban nhân dân thành phố H thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị H.

Buộc các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) phải liên đới trả cho cụ Vương Thị H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 110,2m², thành tiền 570.978.000đồng (Năm trăm bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V1, các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng N, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Ngọc T4.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, chi phí tố tụng, thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 9 năm 2024, bà Vương Thị H có đơn kháng cáo. Bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà Vương Ngọc D, ông Vương Hồng N, ông Vương Hồng T1, bà Vương Thị Ngọc T, bà Vương Thị Ngọc T2, ông Vương Hồng H1, bà Vương Thị Ngọc T3, ông Vương Hồng P là những

người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương Văn P1 và người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất là ông Vũ Ngọc T4 phải trả lại cho bà H diện tích đất 661,3m², thuộc thửa 306, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Bà H yêu cầu ông Vũ Ngọc T4 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp. Bà H không đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành tốt quy định của pháp luật, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật, phải chịu hậu quả pháp lý cho việc vắng mặt và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Vương Thị H, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Năm 2011, bà V1 và các con khởi kiện yêu cầu bà H và anh V (con bà H) trả lại diện tích đất ngang 12m, dài 56,8m.

[3] Ngày 01/8/2014, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà H và anh V trả lại diện tích 681,6m² cho bà V1 và các con bà V1.

Bà H kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị.

[4] Ngày 21/12/2015, Tòa án Tỉnh xét xử phúc thẩm: Hủy án sơ thẩm.

[5] Ngày 31/5/2018, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà H và anh V trả lại diện tích 661,3m² cho bà V1 và các con bà V1.

Bà H kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Tháp kháng nghị.

[6] Ngày 23/8/2018, Tòa án Tỉnh xét xử phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo và chấp nhận một phần kháng nghị. Sửa bản án sơ thẩm: Buộc bà H và anh V trả cho bà V1 và các con của bà V1 diện tích đất 661,3m².

[7] Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 20/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự đã ra quyết định cưỡng chế, buộc bà H và anh V giao cho bà V1 và các con của bà V1 diện tích đất 661,3m² xong.

[8] Bà H không thống nhất có đơn khiếu nại.

[9] Ngày 06/4/2022, Tòa án cấp cao xử hủy án sơ thẩm và phúc thẩm.

[10] Ngày 24/6/2022, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử không đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt không hợp lệ (gửi bằng Bưu điện) đương sự từ chối nhận hoặc không có địa chỉ, nhưng không thực hiện thủ tục niêm yết hoặc lập biên bản việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng mà tiến hành xét xử vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H không đồng ý có đơn kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V1, nhưng các đương sự, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V1 không tham gia các phiên tòa phúc thẩm, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì thế, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, không cần thiết hủy án sơ thẩm.

[11] Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà chết để lại diện tích chiều ngang 24m, chiều dài 100m từ lộ làng thẳng đến Quốc lộ C, đất tại ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H) cho con là cụ Vương Văn H4 (chết 1979). Cụ H4 có vợ là cụ Trần Thị C, sinh được 01 người con là ông Vương Văn P1. Cụ Chỉ chết, cụ H4 tiếp tục chung sống với cụ Ca Thị H5 (chết 1985) và sinh được 02 người con tên bà Vương Thị N1 và bà Vương Thị H. Cụ H4 và cụ H5 chết không để lại di chúc.

[12] Năm 1985, bà Vương Thị N1 chết, bà N1 có 04 người con tên Vũ Thị Hồng T7, Vũ Thị Minh T8, Vũ Ngọc T9 và Vũ Ngọc T4, cụ Vương Thị N1 sinh sống tại ấp A, xã A, thị xã H (nay là khóm A, phường A, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Khi còn sống bà N1 được chia đất xong.

[13] Năm 2004, ông P1 chết, ông P1 có vợ là bà Lê Thị V1 và có các người con bà Vương Ngọc D, ông Vương Hồng T1, bà Vương Thị Ngọc T, bà Vương Thị Ngọc T2, ông Vương Hồng H1, ông Vương Hồng P, bà Vương Thị Ngọc T3.

[14] Ngày 16/10/1995, ông Vương Văn P1 và bà Vương Thị H và con của bà N1 là Vũ Ngọc T9 đại diện có làm tờ thuận phân chia hoa lợi trên đất có tộc họ gồm các cụ Vương Văn K, Vương Văn L2, Vương Kim H6 chứng kiến. Nội dung tờ thuận phân thể hiện: *“Ông Vương Văn P1 được hưởng 04 cây me: Bà Vương Thị N1 05 cây me, 01 bụi tre; Bà Vương Thị H 05 cây me, 01 bụi tre. Kể từ nay trở đi anh em ông thống nhất phần của ai được chia thì người đó hưởng. Đất đai ông bà để lại thì con cái chung hưởng không ai có quyền được bán, không có quyền xua đuổi”*.

[15] Theo bà V1 diện tích đất đo đạc thực tế 1.211m² là tài sản chung của ông P1 và bà H chưa chia. Bà Lê Thị V1 và các con của bà V1 yêu cầu bà Vương Thị H chia tài sản chung là quyền sử dụng đất được hưởng diện tích là 661,3m², bà H không đồng ý.

[16] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Bà H không đồng ý kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị.

[17] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 230/2018/DS-PT, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vương Thị H và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp; sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc hộ bà Vương Thị H và anh Võ Huy V giao trả quyền sử dụng diện tích đất 661,3m² thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, đất tại ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho các nguyên đơn bà Lê Thị V1, bà Vương Ngọc D, ông Vương Hồng N, ông Vương Hồng T1, bà Vương Thị Ngọc T, bà Vương Thị Ngọc T2, ông Vương Hồng H1, ông Vương Hồng P và bà Vương Thị Ngọc T3....; công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các nguyên đơn với ông Vũ Ngọc T4, giao cho hộ ông Vũ Ngọc T4 được quyền sử dụng diện tích đất 103m² (trong phần diện tích đất 661,3m² mà bà Vương Thị H phải giao lại cho các nguyên đơn) thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 22 (trên đất có nhà của ông T4).

[18] Bà Vương Thị H không thống nhất có đơn khiếu nại.

[19] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 102/2022/DS-GĐT, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 230/2018/DS-PT, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng

Tháp. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

[20] Theo nhận định của Quyết định giám đốc, Tòa án hai cấp xác định phần đất bà H đang quản lý, sử dụng là tài sản chung của ông P1 và bà H là có căn cứ. Tuy nhiên, khi giải quyết chưa xem xét công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo, làm tăng giá trị tài sản của bà H.

[21] Phần đất tranh chấp diện tích đo đạc thực tế 1.211m², theo Bản án phúc thẩm số 230/2018/DS-PT, ngày 28 tháng 9 năm 2018. Buộc bà H và anh V giao trả quyền sử dụng diện tích đất 661,3m² cho bà V1, bà Vương Ngọc D, ông Vương Hồng T1, bà Vương Thị Ngọc T, bà Vương Thị Ngọc T2, ông Vương Hồng H1, ông Vương Hồng P, bà Vương Thị Ngọc T3 (trong đó có diện tích 103m² ông Vũ Ngọc T4 đang quản lý sử dụng).

[22] Do bà Vương Thị H có công bảo quản, gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị tài sản, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà H được hưởng công sức bảo quản, gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị tài sản diện tích 110,2m², nhưng do sau khi Bản án phúc thẩm số 230/2018/DS-PT, ngày 28 tháng 9 năm 2018 có hiệu lực pháp luật Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự đã thi hành án giao diện tích đất 661,3m² cho bà V1 và các con của bà V1 xong. Bà V1 đã giao diện tích 661,3m² cho ông T4 quản lý sử dụng, ông T4 đã xây dựng thêm 01 căn nhà trên diện tích 661,3m², nên án sơ thẩm buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V1 trả giá trị quyền sử dụng diện tích đất 110,2m² cho bà H là 570.978.000 đồng phù hợp.

[23] Đối với việc bà H kháng cáo yêu cầu ông T4 di dời nhà trả lại diện tích đất 103m². Xét thấy, diện tích đất 103m² ông T4 đã xây dựng nhà ở khi xây dựng nhà ở được sự thống nhất của bà H. Đồng thời, diện tích đất 103m² nằm trong diện tích đất mà những người thừa kế của ông P1 được thừa hưởng, nên việc bà H yêu cầu ông T4 di dời nhà trả lại diện tích đất 103m² là không phù hợp.

[24] Về phía bà H cho rằng, bà V1 và các con của bà V1 là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H chia tài sản chung. Sau khi Tòa án cấp cao hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm, bà V1 chết, nhưng các con của bà V1 cũng là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V1 không tham gia tố tụng, nên bà H yêu cầu đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà V1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V1. Xét thấy, sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số: 230/2018/DS-PT, ngày 28 tháng 9 năm 2018 có hiệu lực pháp luật. Ngày 30/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự đã

thi hành án giao đất theo bản án và bà V1 và các con của bà V1 đã nhận diện tích đất 661,3m² xong, đến ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Bà V1 chết 2021, nhưng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V1 không tham gia giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã thay đổi địa vị tố tụng và xem xét giải quyết yêu cầu của bà H là đúng quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc vắng mặt của các đương sự trong vụ án thì họ phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

[25] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[26] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Vương Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[27] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[28] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Vương Thị H.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Vương Thị H.

1. Buộc các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3 (Cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Lê Thị V1) phải liên đới trả cho

cụ Vương Thị H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 110,2m², thành tiền 570.978.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V1 và các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng N, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Ngọc T4.

(Kèm theo mảnh trích đo số: 529 – 2017, ngày 12 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã (nay là thành phố) phố H).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vương Thị H là người cao tuổi, nên bà Vương Thị H được miễn tiền án phí và không đặt ra giải quyết.

- Các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3 (Cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.839.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 30.526.000 đồng; hoàn trả lại cho các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3 (Cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) số tiền 3.687.000 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng N, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3, đã nộp 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 009115, 009116, 009117, 009118, 009119, 009120, 009121, 009122 cùng ngày 02 tháng 12 năm 2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp được sung vào công quỹ nhà nước.

- Ông Vũ Ngọc T4 đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 2.222.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 034639 ngày 14/4/2017 và biên lai số 14031 ngày 14/8/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp được sung vào công quỹ nhà nước. Nhưng

ông Vũ Ngọc T4 đã nhận số tiền này, nên ông Vũ Ngọc T4 phải hoàn trả lại số tiền 2.222.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

- Anh Võ Huy V, Vũ Ngô Ngọc T5, Vũ Ngọc Tiến T6, bà Vũ Thị Hồng T7, bà Vũ Thị Minh T8, ông Vũ Ngọc T9, Ủy ban nhân dân thành phố H không phải chịu án phí.

5. Về án phí phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vương Thị H.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Tổng cộng 7.311.000 đồng. Bà Vương Thị H phải chịu 3.700.000 đồng đã nộp và chi xong; các ông, bà: Vương Ngọc D, Vương Hồng T1, Vương Thị Ngọc T, Vương Thị Ngọc T2, Vương Hồng H1, Vương Hồng P, Vương Thị Ngọc T3 (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị V1) phải liên đới chịu 3.611.000 đồng đã nộp và chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- CCTHADS thành phố Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng